

VỀ SỰ THỂ CHƯA HOÀN TẤT CỦA MỘT CON NGƯỜI VIỆT NAM

Luận Đề Thứ Hai

• *Nguyễn Hữu Liêm*

A. TỪ LỜI HỨA VÀ NGUỒN KHOÁI LẠC

Khi một con người Việt Nam chưa xuất hiện vì hấn chưa hoàn tất, thì nhân dạng Việt, tự trong bản tính và cấu trúc tâm thức, vẫn chỉ là một kẻ gọi đờ vỉnh cửu. Hấn đang đứng bên bờ nầy sông, với thân thể, với ngôn từ, với cái Thời của thực tại, nhưng hấn không muốn làm việc cho chuyện thực tại mà chỉ muốn vượt qua sông sang đến bên đờ bên kia, vốn không thấy, không biết được, và không thực hữu. Hấn bị đánh lừa: rằng có một cái gọi là "chân lý," là "đạo" ở bên kia bờ sông. Nhưng giòng sông nầy không hiện hữu - mà thực ra chỉ là một biên giới từ tâm thức ảo vọng.

Tại sao?

Thực ra, không phải chỉ riêng nhân dạng Việt Nam mới bị vấn đề như vậy - mà là cả nhân loại. Con người, cho đến hôm nay, vẫn là nạn nhân của một sự phân cách đối tính: cái Đang Là của thực tại đối với cái Đã Là, hay Chưa Là, của cái gọi là "thực tính." Giòng sông ngăn cách hai bờ tâm thức của con người được đào sâu bởi một Lời Hứa. Lời Hứa nầy đã hiện hữu với nhân loại từ khi con người biết ý thức và có ngôn từ. Lời Hứa nầy nói rằng: Nhân loại dù vẫn còn đang đứng bên bờ sông nầy của thực tại, dù đang chịu khổ nhọc, bất mãn với cái hiện tại nầy, nhưng hồi con người, hãy kiên nhẫn chịu đựng, vì rằng đang có một bên bờ "bên kia" vượt qua khỏi thực tại. "Bên kia" mới chính là tinh hoa, cái thực, cái chính, cái nền tảng, cái bản chất cho thực tại Đang Là nầy.

Nhân dạng Việt, cùng trạng huống với cả nhân loại, đều là nạn nhân của truyền thống Lời Hứa nầy. Lời Hứa nầy nạn nhân hóa con người qua nhiều thể cách. Về tôn giáo thì là giáo điều vốn bao gồm hai phương diện: lên

án (vô minh, tội lỗi) và hứa hẹn (thiên đường, phật tính, giải thoát, đạo). Về triết học thì là các luận thuyết về siêu nghiệm, chân thể, về cái tự chính nó, cái nguyên lý tối hậu mà tri thức con người chưa khai sáng, chưa thông đạt được.

Tuy nhiên, từ một góc độ khác, Lời Hứa trở nên một nguồn khoái lạc cho con người khổ đau. Nó cho một ít tương lai đến với con người trong hiện tại nhưng không có thực tại - khi thực tại chỉ là khổ đau. Lời Hứa còn lại là nguồn hy vọng duy nhất vào tương lai. Theo thời thể, Lời Hứa không còn chỉ là hy vọng mà trở nên một sự thay thế cho thực tại. Cái Đang Là bị phủ định bởi Lời Hứa và Tương Lai nắm lấy thực tại trên phạm trù của Lời Hứa.

Lời Hứa trong tôn giáo là những tín điều của cứu cánh luận hay là giải thoát luận: Cái đạo lý, căn gốc, cội nguồn, cái vỉnh cửu đang chờ cá nhân ở bên kia bờ, ở đằng xa kia, nếu hấn nỗ lực hy sinh, nghe theo, tuân lệnh, phục tùng những giáo điều mà tôn giáo bày vẽ ra. Hấn hãy cố dồn ép thân xác theo phương cách tu hành, diệt dục, cầu nguyện, thực hành nghi lễ, thiền định, đọc kinh, phục vụ bề trên, cúng dường, hy sinh đời sống, tài sản, tự-ngã - tức là cá nhân đừng là một cá nhân với bản sắc và ý chí cá thể - để chỉ vì có một Lời Hứa về một chân trời mà tất cả những gì mà hấn hy sinh sẽ được thưởng bồi xứng đáng, một phần thưởng tối hậu, vỉnh cửu. Từ đó, cái Đang Là chỉ là một con vật cúng thần linh Lời Hứa, một tấm chiếu để tựa đầu cúi lạy bàn thờ vỉnh cửu.

Tương lai, từ Lời Hứa, thay thế một thời ý xác định bằng một thời ý phủ định cho thực tại; nó trở nên một

thứ thuần ảo vọng, không có từ những bước tiến hóa bằng ý chí thực tại kinh nghiệm mà là từ ảo tưởng phủ định những gì Đang Là. Tương lai nảy của tôn giáo được nuôi dưỡng trong chuỗi dài khổ đau của nhân loại vì còn khổ đau thì con người còn ảo tưởng. Và tương lai thuần ảo vọng nảy lại càng trở nên một nỗi căm đố lớn lao khi thân xác con người trong hiện tại không có một thứ gì để có thể làm cho hấn khoái lạc cả. Từ đó, căm đố khoái lạc thân xác trong thực tại được thăng hóa thành một ý chí hướng thượng vào các phạm trù huyền bí thuần ảo vọng từ Lời Hứa của tôn giáo. Tương lai trở nên một nỗi khoái lạc trong ý chí phủ định thực tại - một phương cách đối trao cái thực tại không có gì khoái lạc cho một tương lai vốn cũng chẳng có gì ngoại trừ là một ảo vọng trong Lời Hứa.

Vì vậy, tôn giáo, bằng Lời Hứa, nạn nhân hóa con người hai lần: Lần thứ nhất là từ chối cái khoái lạc thực tại khi lên án nó là tội lỗi; lần thứ hai khi đưa ra một tương lai như là một nỗi căm đố khoái lạc nhằm thay thế cái căm đố trong thực tại. Khi nỗi khổ đau trong thực tại được an ủi bằng một nỗi căm đố vào tương lai thì cái khổ đau của thực tại trên căn bản thân xác biến thành một hy vọng vào một sự thể trong tương lai - và khoái lạc thân xác nằm đâu đó ở giữa Đang Là và Chưa Là. Niềm khoái lạc này trở nên một ý chí tự đánh lừa chính mình để cá nhân có thể vượt thắng thực tại bằng thuần ước vọng. Cho dù hấn biết rằng cái tương lai mà Lời Hứa đem đến thì rất xa, rất mơ hồ, xuất hiện như là một chân trời mà cá nhân chỉ có thể tiến về nó nhưng không bao giờ đến với nó được - tương lai cứ thụt lùi trước thực tại. Để rồi, cá nhân tiếp nhận được nỗi khoái lạc khi cảm tưởng rằng mình đang tiến gần về với tương lai trong Lời Hứa: thấy mình tiến hóa hơn, thanh cao hơn, thuần thành hơn, ngoan đạo hơn, giác ngộ hơn. Bản năng tiến hóa của con người như là một sinh vật được Lời Hứa phác họa thành ra một cứu cánh tối hậu. Trong đó, phật, thượng đế, chúa là những nỗi căm đố từ tương lai mà từ khi con người biết ý thức về chữ Thời qua sự vận dụng của một trò chơi mới: Lời Hứa.

Các nền văn minh và bản sắc văn hóa nhân loại trong lịch sử đều chỉ là hiện thân của ý chí vận dụng được năng lực Lời Hứa. Bao nhiêu cơ đồ kinh, sách, giáo lý, cái gọi là các thánh kinh đều là những xảo ngôn biến Lời Hứa thành tín điều. Cái gọi là "kinh" chỉ là Lời Hứa từ các giáo chủ và giới đệ tử khôn ngoan, đầy thủ thuật chỉ

muốn vay tiền mà không có gì để bảo chứng hay không có một hợp đồng trả nợ. Họ là những chủ đất của những sào ruộng trên thiên đường, dưới địa ngục - nhưng nhân loại vẫn cứ tin rằng các sào ruộng ấy có thực để bảo đảm cho món nợ của tín điều (giáo lý) mà họ đang đem hết công sức ra để thực hành. Nhưng cũng đừng nghĩ rằng các tín đồ không được trả nợ. Khi hấn cầu nguyện, khi hấn đọc kinh, khi hấn thiên định thì hấn có được một nỗi khoái lạc tức thì. Lời Hứa chính là một tổng lượng khoái lạc để dành trong tương lai mà tín đồ mỗi lần cầu nguyện là được trả lại một ít cho hấn. Nó giống như là một em bé nhà quê có ghê, khi gãi ngứa thì khoái lạc để rồi em nhìn ghê lở như là một ân huệ đích đáng. Khi tín đồ tụng kinh, hấn đang đói lòng nhưng không có thức ăn mà chỉ có thể thỏa mãn bằng những câu chuyện kể về thực phẩm. Nếu hấn càng cầu nguyện thì hấn càng đói thêm, mà càng thêm đói thì hấn càng phục tùng. Các giáo hội, các chùa, các nhà thờ, các thánh đường, các tu sĩ là những kẻ kể chuyện nấu ăn cho những kẻ đang đói mà không muốn mời thức ăn thực sự. Nếu có tín đồ nào đòi ăn thì họ sẽ bị lên án rằng hấn là kẻ chưa xứng đáng để ăn lộc Lời Hứa. Khi giáo hội cho thức ăn thực sự thì không phải để giải quyết chuyện đói của con người mà chỉ là một dụ dỗ để cho những kẻ đói phải chấp nhận bản chất Lời Hứa của tôn giáo đó. Tôn giáo là một kế ước cho toàn thể bản sắc sinh hữu của con người trong một Lời Hứa - mà điều kiện để giải nợ chỉ là một nỗi khoái lạc trong cầu nguyện và hy sinh.

Vì thế, bản chất sinh hiện của con người tôn giáo là ý chí giải nợ cho Lời Hứa. Nó như là một kẻ thiếu nợ với lương tâm trung chính: khoái lạc đến được từ từng đồng dành dụm hy sinh để trả được ít nợ cho tương lai từ Lời Hứa. Hạnh phúc cá nhân, vì thế, không phải có từ sự tích lũy của đồng vốn trong hiện tại mà là từ mức độ giải nợ mà hấn đã mang từ khi hấn ý thức rằng hấn là con vật có ý thức và ý chí. Tiến trình giải nợ cho Lời Hứa này mang bản chất nhị nguyên: một đằng là con người càng lâu càng đi lạc xa khỏi đạo; một đằng thì đó là một quá trình giải hóa món nợ nguyên thủy mà kinh điển đã thành văn hóa kế ước Lời Hứa này. Tự do ý chí trong tôn giáo chỉ là một tổng lượng của Lời Hứa được giải hóa bằng ý thức phục thiện.

Tôn giáo chia cắt cá nhân từ tận đáy tâm thức bằng lưỡi dao Lời Hứa mệnh danh là giáo lý và chân lý. Lời Hứa được chuyển hóa từ một căm đố khách quan thành một căm đố tự thân, nội tại. Lời Hứa trở nên nội tâm mà

Con Người Việt Nam

thượng đế chính là ta, phật hay giác ngộ cũng chính là ta. Ta tự tạo nên một nỗi ngứa ý chí để rồi ta gãi ngứa bằng phương cách phủ định tự-ngã. Lời Hứa đẩy con người vào lò bản thân, bản ý, bản thức cho một cảm dỗ về một niềm khoái lạc toàn hảo và tối hậu của chân trời "cực lạc" của cõi "sống đời đời." Chân trời khoái lạc trở nên tấm gương soi nội tại mà thượng đế nay chính là lương tâm của ta. Lương tâm trở nên là tấm gương soi cho đến khi con người bị sự phản chiếu của gương soi ám ảnh đến độ nhận lấy sự phản chiếu này thành bản sắc của ý chí cá nhân. Lời Hứa biến thành gương soi nội tại và nuốt lấy chính mình - tất cả cái đẹp, cái khoái lạc đều nằm nơi chiếc gương soi. Và cuộc đời chính là sự thỏa mãn sự phản chiếu từ chiếc gương soi tự thân nhằm giải nợ Lời Hứa của giáo điều. Sợi giây liên đới giữa cái ta trong gương soi với cái ta của tự-ngã được kiến tạo bằng mức độ giải nợ cho Lời Hứa. Ta bỗng trở nên là một chánh án nghiêm khắc thì Lời Hứa nay chính là ta - ta không còn một góc cạnh tâm ý, một khoảng trống riêng tư nào để có thể trốn tránh hay lừa dối cho chủ nợ của Lời Hứa. Giá trị của ta chính là mức độ tuân phục và giải nợ Lời Hứa. Ta là con nợ không thể trốn nợ vì tòa án chính là lương tâm của ta. Ta chạy trốn lương tâm để rồi chính lương tâm chạy trốn con nợ. Cả hai cũng chỉ là ta với chiếc gương soi vật vã trong chính mình. Đây là bản chất bi kịch của con người tôn giáo - nhưng cũng chính là niềm khoái lạc cho họ vì sự đuổi bắt này trở nên một nghệ thuật giải trí cao, tạo khoái lạc sâu sắc: ý chí tự đánh lừa chính mình.

Tự trung lại thì cho đến hôm nay, con người chỉ tìm ra được một niềm khoái lạc: giải nợ cái hợp đồng của Lời

Hứa. Tôn giáo, triết học, và ngay cả khoa học, thì giải nợ bằng cách cho cá nhân những hy vọng, những khoái lạc, những tiện dụng khi thực thi lời hứa. Nhưng con người thì không biết làm gì hơn nữa để giải nợ Lời Hứa cho phía bên hấn khi hấn dần dần hết tin vào tôn giáo. Tôn giáo nói rằng: hấn mang tội nguyên thủy, hấn là vô minh, là ái dục. Triết học thì cho rằng hấn còn ngu muội, nhầm lẫn, chưa minh bạch, không biết mình là ai, bản lai diện mục bị phủ bụi trần gian. Khoa học thì cũng a dua để lên án rằng con người là một cấu trúc của *gene* với cứu cánh duy nhất là sinh sản. Con người bỗng trở nên rất là cô đơn. Hấn từ bỏ tôn giáo để đến với triết học chỉ vì tôn giáo lừa dối bằng bản chất tự tin quá đáng vào tín điều. Nhưng triết học cũng lừa dối bằng sự bất lực của nó khi nó muốn phủ định tín điều tôn giáo bằng những tín điều phạm trù. Khi hấn mon men đến với khoa học thì khoa học cũng lừa dối hấn bằng chủ thuyết duy sinh học để cho rằng con người chỉ là một sự kiện thuần thân xác vì hấn không phải là hấn mà chỉ là tên nô lệ cho cái *gene* di truyền cấu thành nên hấn. Khoa học từ đó chỉ là một thứ tôn giáo trá hình. Thay vì lên án con người với tội tổ tông, hay là căn nghiệp xấu xa, khoa học lên án con người bằng một giả định về cái Đã Là của hấn. Chủ nghĩa tự nhiên (*naturalism*) và sử tính luận (*historicism*) là hai hệ phái tôn giáo của cái gọi là khoa học. Theo đó, khoa học định nghĩa cái Ta của con người không từ thượng đế hay ngẫu nhiên mà là một hệ quả thiên nhiên theo chiều dài lịch sử. Chủ thuyết nhân/quả vẫn là nền tảng của khoa học. Tức là Ta là của cái Đã Là chứ không phải là của cái Sẽ Là.

B. ĐẾN SỰ PHÂN RẼ VĂN MINH

I. TRƯỜNG HỢP TÂY PHƯƠNG

Từ thế kỷ mười lăm trở về trước, các nền văn minh nhân loại, từ Đông sang Tây, đều nằm trong bản chất của Lời Hứa - từ tôn giáo, thần học, tập quán, tín ngưỡng, huyền bí, triết học. Thiên Chúa giáo và triết học Plato là hai cao điểm của văn minh Lời Hứa ở phương Tây; Ấn giáo, Phật giáo và Lão giáo là cao điểm văn minh Lời Hứa ở phương Đông.

Sự phân rẽ bản chất văn minh Đông/Tây khởi đi từ thời điểm con người muốn hiện thực hóa Lời Hứa vào thực tại. Năng ý này vẫn đã hiện hữu từ lâu. Nhưng bất chợt, ở khoảng thế kỷ mười lăm, một cơ thời ngẫu nhiên

xuất hiện, Tây phương muốn thực hiện Lời Hứa bằng cách biến thực tại Đàng Là thành nên những bước cầu qua sông nhằm đến chân trời Lời Hứa. Trong khi đó, Đông phương vẫn còn đang hướng đến Lời Hứa theo phương cách cũ - vẫn đứng bên bờ sông thực tại để ước vọng bến bờ Lời Hứa ở bên kia sông. Lời Hứa của Tây phương được đến gần và được giải nợ bằng con đường tiệm tiến với nỗ lực Đàng Là; Lời Hứa Đông phương vẫn là một năng ý vượt thoát thực tại một cách tuyệt đối.

Khi bước chân vào ngã rẽ mới, Tây phương giải nợ Lời Hứa, không còn bằng nỗ lực chiến thắng chính mình, mà bằng sự kiểm nhận món nợ được trả và còn thiếu trên căn bản bằng chứng khách quan. Từ đó, chiếc

gương soi cho tự-ngã không còn chỉ soi chiếu trong đời sống nội tâm đóng chức năng tòa án lương tâm nữa - mà nay, nó được xoay mặt kiếng ra ngoài để so sánh cái thực hữu của tự-ngã với sự thực của khách quan trên con lộ dẫn đến Lời Hứa. Con người Tây phương bắt đầu hỏi: Tại sao món nợ Lời Hứa chỉ có thể trả bởi tự chính ta bằng tòa án lương tâm và cơ chế tôn giáo trong khi cả xã hội và thế giới khách quan không cùng với ta chia sẻ món nợ này? Nếu mỗi cá nhân đều mang một món nợ thì tại sao tổng thể khách quan không cùng nhau góp sức để cùng trả nợ?

Kết quả lớn lao nhất khi con người Tây phương xây mặt gương ra ngoài là sự chuyển đổi ý thức về phương cách giải nợ Lời Hứa: thực tại là hiện thân của con nợ, là món nợ phải giải hóa. Muốn giải hóa Lời Hứa bằng con nợ thực tại thì cơ năng để chinh phục thực tại là kiến thức về thế giới khách quan. Đây là nguồn gốc của sự "phong thánh" cho khoa học trên tầng lớp trật tự của giá trị. Từ khi kiến thức khoa học mang chức năng hiện kim để giải nợ thì kiến thức khách quan trở nên một niềm khoái lạc bất tận vì khách quan phải là vô tận khi con người muốn khai sáng nó trên căn bản tri kiến hữu hạn. Cái khoái lạc cao độ là khoái lạc của sự hiểu biết được kiểm chứng bằng thực nghiệm. Và con người Tây Phương được "gãi ngứa" trong thực tại khi hấn trải thân và ý chí ra với trần gian nhằm giải nợ cho Lời Hứa - trong khi thường thức được niềm khoái lạc của tri kiến về khách quan.

Khi cá nhân Tây phương nhận thức rằng khách quan thì vô hạn, hấn từ bỏ cái mặc cảm nợ nần từ Lời Hứa như là của riêng mình trên phương diện lương tâm. Hấn chuyển hóa tòa án lương tâm thành tòa án kiến thức. Một phạm trù luân lý mới khởi sinh: trình độ kiến thức. Văn hóa và văn minh trở nên một nguồn sinh động của kiến thức mà trong đó khoa học là tiêu chuẩn giải nợ hiệu năng và giá trị nhất. Tiếp theo, hấn cũng công nhận rằng món nợ Lời Hứa này - thường được gọi là Chân, Thiện, Mỹ - phải được giải trừ tiệm tiến, theo thời gian, hỗ tương với nhịp tiến bộ về kiến thức khách quan cho cả tổng thể xã hội. Vì vậy, kiến thức khoa học chưa đủ. Con người cần phải có ý thức và khả năng tổ chức thế giới khách quan nhằm cho mục đích trả nợ Lời Hứa như là một công tác tập thể. Khoa học về thiên nhiên nay bao gồm cả khoa học về tổ chức con người qua các ngành chính trị, kinh tế, xã hội, nhân văn.

Tuy nhiên, đừng tưởng rằng khi Tây phương khám phá ra con đường giải nợ Lời Hứa bằng khoa học thiên nhiên và khoa học tổ chức thì họ đã không còn vấn đề gì lớn - tức là con nợ Lời Hứa không tới nhà kêu réo đòi nợ hằng ngày. Con người Tây phương, dù với những thành công to lớn về khoa học thực nghiệm vẫn còn bị ám ảnh bởi Lời Hứa tự ngàn xưa. Và hấn ý thức được sự ám ảnh ngàn năm này. Và hấn khôn ngoan hơn: hấn muốn viết lại bản văn của Lời Hứa và đặt lại điều kiện giải nợ. Lời Hứa không còn là của thánh kinh, của triết học thuần lý tưởng huyền nhiệm: nó biến thành văn bản ý thức hệ chính trị. Thánh kinh nay trở nên tuyên ngôn cách mạng. Lời Hứa nay là ý hệ chính trị mang tính chất cứu cánh luận trên căn bản giá trị khoa học nhằm áp dụng vào thế gian để chuyển hóa nhân loại này theo một con đường giải nợ - hòng có thể thoát ra khỏi được gánh nặng thân học và huyền bí luận. Chính trị và cách mạng nay trở nên là một thứ tôn giáo mới kích động lòng nhiệt thành với một tầng lớp tín đồ mới mang niềm tin của Lời Hứa qua những phạm trù chính trị trong chiếc áo khoác của lý tưởng. Giáo điều tôn giáo nay là cương lĩnh, là tuyên ngôn, là lời kêu gọi. Sự việc vẫn như cũ: Lời Hứa vẫn chế ngự năng động chuyển hóa cho con người. Lời Hứa vẫn ở bên kia sông, cuối chân trời. Cá nhân vẫn phải trả món nợ đó. Cá nhân nay không cầu nguyện hay tu hành khổ hạnh mà là dẫn thân vào lý tưởng cho một niềm tin mới qua biện minh ý thức hệ. Khoái lạc của kiến thức khoa học nay thêm một thứ khác: ước mơ, lý tưởng, đấu tranh. Khoái lạc khắc kỷ từ tín điều tôn giáo nay trở nên khoái lạc khách quan với lòng nhiệt thành hy sinh cho tập thể, cho mục tiêu cách mạng, cho con đường đấu tranh, cho chân lý khoa học. Thuở trước, dạng tập thể cho Lời Hứa là giáo hội, là tăng đoàn, là tín đồ; nay là tổ chức, là dân tộc, là quốc gia. Giáo hội là ngày xưa; nay là đảng. Hơn nữa: Thượng đế chính là Đảng.

Trong vòng thế kỷ nay, chủ thuyết *Marxism* và đảng Cộng sản là hiện thân của sự chuyển hóa năng ý giải nợ Lời Hứa này. Đây là một thể dạng hiện thực hóa món nợ Lời Hứa bằng một thứ biểu văn mới khi thánh kinh tôn giáo đã không còn mang sức mạnh chuyển hóa. Chủ nghĩa Cộng sản là Thiên Chúa giáo biến thể - là sự nối dài của Thiên Chúa giáo La Mã qua nội dung lý tưởng chính trị và hình thái tổ chức của đảng.

Thực sự thì hiện tượng Cộng sản vẫn chỉ là nửa phần của sự chuyển hướng này. Cái nửa kia của Tây phương là quá trình phủ định Thiên Chúa giáo để thoát ra khỏi bàn tay của giáo hội và tăng lữ nhằm khẳng định giá trị

Con Người Việt Nam

khoa học thực nghiệm và nhân văn. Nhưng cái nữa còn lại này cũng không thoát khỏi món nợ Lời Hứa khi nền tảng của sự chuyển động của nó được điều hướng bởi một hình thái biểu văn Lời Hứa khác: cơ chế hợp đồng (contract). Trên phương diện tổ chức, Lời Hứa là "khế ước xã hội." Trên phương diện kinh tế, Lời Hứa là "khế ước kinh tế" với sự bành trướng của cơ chế luật pháp nhằm hiện thực hóa hai loại biểu văn khế ước này. Luật pháp là một định chế biểu văn khế ước trong Lời Hứa. Văn minh biểu văn khế ước này tạo nên cái về tư bản - mà các thể chế chính trị cộng hòa, dân chủ chỉ là một hình thái tổ chức trên căn bản khế ước nhằm phục vụ nhu cầu khế ước của về tư bản. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ Tây phương được lãn bánh trên căn bản khế ước kinh tế và chính trị này. Từ đó, con người Tây phương hiện hữu bằng cách hiện thực hóa Lời Hứa trong thực tại. Trên phương diện chính trị xã hội thì đó là khế ước mang tư cách công dân; trên phương diện kinh tế là thành viên trong hợp đồng kinh tế. Niềm khoái lạc vật chất có được từ cơ chế khế ước thay thế niềm khoái lạc cho lương tâm. Hy vọng vào phần thưởng vật chất là động cơ tiến hóa. Lao động là đầu mối tâm thức, của ý chí. Lời Hứa biến từ phạm sang lượng: từ đạo đức qua hiện kim. Đồng tiền mới thực là cái để giải nợ. Cá nhân có thể tiến gần đến Lời Hứa bằng sự giàu có vật chất, hiện kim. Đây là nguồn gốc và nền tảng cho trật tự giá trị hiện đại.

Vì thế mà muốn giải nợ Lời Hứa, con người hôm nay cần phải giàu có. Muốn giàu có thì phải có tư cách và khả năng thực hiện Lời Hứa qua cơ chế hợp đồng. Chủ nhân Lời Hứa nay chính là ta - hiện thân qua tư cách pháp nhân để mang nợ trần gian. Cái ta của tập thể nay là hình thức công ty. Công ty thay thế cá nhân để thực hiện Lời Hứa. Công ty chính là đảng, là giáo hội, là thượng đế. Và cái ta nay chỉ còn là một con số trên mặt biểu văn của cơ chế hợp đồng. Qua đó, giá trị cá nhân được lồng vào một khung giá trị mới: chữ Tín trong thương trường.

Cá nhân nào có chữ Tín cao trên thương trường và xã hội nào có chữ tín cao trong năng động văn hóa thì sẽ có cơ hội giàu có nhiều hơn. Cái ta của lương tâm không còn quan trọng nữa. Lý lịch tín dụng chính là tấm số văn tôn giáo quyết định mức độ tiến hóa cho cá nhân. Ta phản bội chính ta, gia đình ta thì được; nhưng nếu ta không giữ Lời Hứa với xã hội thì ta sẽ là một kẻ phạm

pháp. Kẻ vỡ nợ, kẻ không giữ đúng điều kiện khế ước sẽ bị trừng phạt nặng nề bởi xã hội. Hẳn là kẻ tội lỗi không phải vì tham dục hay mất niềm tin - mà vì hấn không trả nợ đúng theo khế ước mà hấn đã hứa với xã hội. Tôn giáo chuyển hóa con người truyền thống bằng Lời Hứa nội tâm kèm theo một bản án và lời đe dọa: địa ngục đang chờ nếu người không có đức tin hay vẫn còn vô minh, ái dục. Triết học thì kích động con người bằng Lời Hứa trí tuệ và chân lý - với lời đe dọa về nguy cơ lầm lỗi tri kiến. Khoa học thì bằng Lời Hứa giải nợ hiện hữu bằng sự thật thực nghiệm khách quan - và đe dọa và lên án những gì "phản khoa học." Chính trị thì có Lời Hứa về xã hội và tập thể huy hoàng - và đe dọa với bản án "phản động" hay "tội phạm" nhân danh đảng, nhà nước hay pháp luật. Kinh tế tư bản, thị trường thì thực hiện Lời Hứa giàu sang, quyền thế bằng định chế hợp đồng - với sự đe dọa về tội bất tín hay là phá sản.

Từ đó, mỗi thời quán Lời Hứa của Tây phương có một kẻ bội hứa: Thời tôn giáo thì nó là kẻ vô thần, không có đức tin, phản đạo; thời triết học thì đó là kẻ không khai sáng tri thức; thời khoa học thì hấn là kẻ không tin vào phương pháp xác tín bởi sự thật khách quan bằng con đường thực nghiệm - kẻ phản khoa học; thời chính trị cách mạng là kẻ mang tinh thần cá nhân, không chịu hô khẩu hiệu tập thể - kẻ phản động; thời tư bản thì hấn là kẻ không có chữ tín trên thương trường, không có khả năng hợp đồng, không có tư cách pháp nhân để giao kèo khế ước - là kẻ vỡ nợ. Tất cả đều là những kẻ có tội. Bản chất của tội và phạm, trong tất cả những biến chất và loạn hình của chúng, vẫn chỉ là chuyện cá nhân không giải nợ cho Lời Hứa. Lời Hứa, đối với Tây phương, vẫn là "tội nguyên thủy" - mà ở đó năng ý Sê Là vẫn bị ám ảnh bởi một sự căm dỗ vào cái khoái lạc trong quá trình giải nợ này. Cứu cánh hiện hữu vẫn chưa được đồng nghĩa với thực tại Đàng Là.

Tuy nhiên, Tây phương, dù bị ám ảnh bởi món nợ Lời Hứa cổ đại, cũng đã giải trừ được phần nào món nợ thực tại qua cuộc cách mạng khoa học, công nghệ, kỹ thuật kèm theo một quá trình chuyển hóa lớn lao về chính trị, văn hóa, xã hội trong suốt gần năm thế kỷ qua. Họ giảm thiểu được khổ đau vật chất cho phần lớn con người; họ tự chắc mãn với chính mình qua chức năng lý trí; họ chinh phục nhân loại bằng khoa học, kỹ thuật và các mô thức chính trị, pháp luật, kinh tế; họ thay đổi góc độ ý chí cá nhân từ nội tâm để hướng ra bên ngoài khách quan. Chiếc gương soi cho đáy sâu nội tại nay

chính là sự phản ảnh chung về thế gian, về tập thể, về xã hội. Khoái lạc của họ là của kiến thức và giàu có vật chất - mà sự sa đọa của họ trên cơ bản khoái lạc thân xác cũng nằm trong tầm mức ý thức về cảm giác như là một đối thể của tri kiến. Tức là họ biết điều tiết chính mình khi họ khai phá ra những nguồn gốc khoái lạc để rồi chủ động nó bằng phương pháp khoa học thực nghiệm trong tương hệ với cơ chế xã hội khách quan.

Mặc dù với tất cả những thành đạt về khoa học, kỹ thuật, công nghệ, chính trị dân chủ, pháp luật của nền văn minh lý tính, Tây phương vẫn không thể giải trừ hết món nợ Lời Hứa cũ. Nhưng họ ý thức được giới hạn của chính họ. Dù rằng văn minh lý tính đã tạo ra những khủng hoảng nhân văn lớn, tất cả những thảm họa trong suốt năm thế kỷ qua đều phát xuất từ tình trạng chưa hoàn tất chức năng lý tính của văn minh này - chứ không phải do vì lý tính gây ra. Tức là cuộc cách mạng lý tính vẫn chưa đi đến một kết thúc hợp lý cho nhân loại, và bản chất lý trí vẫn còn chưa làm chủ được năng động sử tính của Tây phương. Tây phương còn rất nhiều khuyết điểm, không phải vì họ duy lý hay thuần lý, mà vì họ chưa sử dụng hết năng lực lý tính. Hay nói một cách khác: Thời ý của lý tính vẫn chưa hiện thực hóa hết khả thể tính của nó vào thực tại khách quan. Và dù năng thức Khát Sống và Hiếu Thẳng được điều hướng bởi lý tính, lý tính này vẫn là của một con nợ: Lời Hứa về một chân trời đằng trước, hay là bên kia bờ của thực tại Đang Là.

Khi Tây phương chuyển hóa năng ý giải nợ Lời Hứa vào thực tại khách quan bằng sự kiện bằng chứng thực nghiệm thì hiện hữu của họ được phát huy thành hai phương diện: lý tưởng và hiện thực. Món nợ tự nó được giải hóa bằng sự chuyển động - mà chính sự chuyển động trở nên một cứu cánh tự hữu. Và cái lý tưởng chỉ có thể đến từ cái thực nghiệm. Ta nhìn đến ta trên căn bản bằng chứng khách quan khi ta trở thành một đối thể cho ta quán sát trên các phạm trù quy tắc khoa học. Lý tưởng là chuyện chung. Ta hoàn tất lý tưởng trên căn bản tập thể chứ không còn là chuyện cá nhân - mặc dù xã hội Tây phương càng ngày càng cho phép con người ở đó chủ thể hóa vị thế cá nhân đối với xã hội. Một mặt thì lý tính và tập thể tính được nâng cao; mặt khác thì cá nhân là trung tâm cho giá trị. Nhưng cả hai, lý tính và cá nhân, được điều hướng và quyết định bởi năng lực tập thể, khi lý tính - qua khoa học và kỹ thuật - đòi hỏi sự kết hợp

giữa liên chủ quan nhằm đạt được tính phổ biến cho chân lý khách quan.

Giữa cái ta tự-ngã và cái ta đại thể, Tây phương có phá vỡ nổi uẩn ức của món nợ từ Lời Hứa bằng cách kéo tương lai về với hiện tại bằng mọi phương cách và bằng mọi giá. Nhưng họ càng kéo tương lai bằng phương pháp thực nghiệm thì quá khứ lại càng quyết định hiện tại của bằng chứng khách quan - mọi quy luật khoa học về thiên nhiên đều mang tính chất lịch sử và nhân quả. Tây phương muốn thoát khỏi bẫy sập của vấn đề này bằng cách truy cứu khách quan theo phương pháp quy giảm - *reductionism*. Quy giảm luận là con đường của Tây phương hiện nay. Từ triết học về tri kiến, về vật lý, về nhân văn, tất cả các câu trả lời đều được chứa nội dung Lời Hứa vào nơi một quy điểm căn cơ, nền tảng mà tự nó không thể giảm rút xuống được mức nào nữa. Món nợ vẫn nằm ở đâu đó mà khoa học tìm chưa ra. Hãy nhìn vô hài kịch của vật lý lượng tử khi các khoa học gia cố gắng đi tìm đơn vị vật thể căn bản vốn không thể quy giảm được nữa. Đây cũng giống như là cái chuyện khôi hài của anh chàng đi tìm nguyên khởi sự sống của một con vật bằng cách mổ thân xác nó ra thành từng mảnh vụn để tìm ra bằng chứng của sự sống. Tây phương dần dần bị khách quan hóa toàn thể năng ý giải nợ cho Lời Hứa. Cái khổ nạn của cá nhân Tây phương là hẩn hồ hoá chủ thể tính và lý tính trong cơn cuồng lú của nạn khách quan hóa và phổ quát hóa tất cả mọi khuôn mặt của sinh hiện.

II. TRƯỜNG HỢP ĐÔNG PHƯƠNG

Ngược lại, Đông phương mang ý chí giải nợ Lời Hứa bằng con đường chủ quan, nội tại để nhắm về cái ta đơn thể. Tức là cái Chưa Là chỉ là cái Đã Là đã bị mất, bị lạc. Cái tinh hoa, cái đạo, cái chân lý - những phạm trù Lời Hứa - đều nằm trong quá khứ, mà quá khứ chính là cái ta trong sáng nay đã bị bụi trần gian phủ mất. Nếu ta lột hết cái lớp vỏ trần gian, chùi hết bụi bặm thì cái ta sẽ hiện ra. Và cũng như Tây phương, tất cả những gì Đông phương nỗ lực cũng chỉ là con đường của quy giảm luận. Lời Hứa nằm ở bên kia bờ sông của thực tại - mà sự phân cách đôi bờ chính là cái ta bị ô nhiễm bởi hiện hữu - mà ta có thể tìm đến bờ sông bên kia nếu ta quy giảm thế gian này, qua ta, để đạt được cái căn cơ, cái tinh ròng của tự-ngã.

Con Người Việt Nam

Khác với con đường quy giảm của Tây phương, con người Đông phương không có tìm bằng chứng khách quan và thực nghiệm để giải hóa món nợ Lời Hứa vì hẳn chỉ có cái ta. Nhưng cái ta này không như là một sự kiện hiển nhiên, tự chắc chắn mà chỉ là một huyền thoại, một bí danh không có chủ thể với rất nhiều câu hỏi. Cái ta không thể là một đối tượng khách quan - mà chính là lớp bụi, lớp áo, lớp vỏ thế gian bao bọc cái ta này mới đáng để quán nghiệm nhằm phủ định chúng. Do đó, quy giảm luận của Đông phương là con đường quy giảm phủ định mà không có một trật tự bằng chứng hay là với giá trị khách quan. Mỗi thời quán quy giảm là mỗi thời điểm truy diệt đối tượng. Ở Tây phương, mỗi cơ hội quy giảm là mỗi cơ thời xác định một sự thể bằng chứng. Vì thế mà Tây phương dần dần tích lũy được một cơ đồ khách quan; Đông phương chỉ còn lại là một sự thể huyền bí về cái ta bất phân định trong một tổng thể khách quan không có giá trị bằng chứng. Cái ta chỉ là cái ta chân thực khi khách thể đã không còn chi phối cái ta. Và vì vậy, con người Đông phương càng lúc càng bị bao vây bởi khách quan, bị chia cách giữa ta với tha nhân - và chiếc cầu để đưa hẳn đến bên kia bờ của Lời Hứa vẫn còn là một ý chí thuần ước vọng. Hệ quả là huyền bí luận, là phép lạ bao phủ lấy tâm thức và tri kiến hẳn. Hẳn chỉ muốn cái ta này bỗng trở nên một phép lạ nhằm giải quyết hết chuyện đại thể vô vàn khó khăn - khi hẳn muốn biến cái ta thành ra đại thể tính bất định và bất phân biệt. Tức là, muốn biết đến vũ trụ thì hãy biết đến cái ta - khi cái ta này chính là tất cả thì Lời Hứa được giải trừ.

Để rồi khoảng trống lớn lao của đại thể khách quan không có được một phương cách giải quyết trên căn bản thực tại và tiệm tiến. Đây chính là chiếc hố sâu văn minh Đông phương lôi kéo thác nước Tây phương đổ tràn vào chính mình từ gần hai thế kỷ nay. Vấn đề của Đông phương là không còn ai để lo cái chuyện trần thế khi bao nhiêu năng lực trí thức và ý chí thượng đẳng của Đông phương chỉ muốn đi tìm cái ta nội tại và vượt thoát. Hãy nhìn đến văn minh Ấn độ cho đến gần đây thì mới thấy rõ vấn đề. Khi chiếc gương soi cho đại thể đối chiếu với một khuôn mặt trống không thì dĩ nhiên là nó phải bị năng lực văn minh duy lý, khách quan chiếm lấy sự phản chiếu. Từ đó, con người Đông phương bị Tây phương nắm lấy và điều động cái ngoại thể tính của tự-ngã để biến hẳn thành những con người máy *robot* rất hiệu năng - nhưng nội dung tâm thức thì không đồng điệu

với quy luật khoa học và thiết yếu tính khách quan. Con người Đông phương dần dần chỉ còn là những chiếc máy không có linh hồn, chạy theo Tây phương bằng mọi giá trên mọi phương diện - nhưng vẫn mạt sát, coi thường Tây phương. Hố thăm nhị nguyên này chính là con sông sâu rộng nhất đang hành hạ con người Đông phương: Lời Hứa thì bên kia bờ thực tại; nhưng thực tại thì bị đánh mất mà kẻ Đông phương không kiến tạo cho mình được một chiếc cầu để nối liền hai bờ giữa tâm thức và khách quan. Văn minh công nghệ Tây phương đang giúp Đông phương giải món nợ thực tại ngoại thể: cái ngoại thân, cái không là ta, chứ chưa thể giải hóa Lời Hứa một cách toàn thể cho cả con người Đông phương - cái ta Đông phương vẫn là một hòn đảo tách biệt với văn minh duy lý và khách quan. Vì thế mà chúng ta không lạ gì khi con người Đông phương có thể rất giỏi về khoa học, kỹ thuật Tây phương nhưng họ không hạnh phúc, sung mãn và khoái lạc bởi khoa học và kỹ thuật. Cái ta này vẫn là một nỗi ám ảnh vì ta không biết trả nợ Lời Hứa cổ đại như thế nào.

Càng ngày cá nhân Đông phương càng không biết mình là ai. Tây phương đưa họ đến một vị thế bất buộc họ phải nuốt hết tính cơ khí của nó nhưng hẳn không thường ngoạn và không tiêu hóa được. Bờ sông bên kia vẫn cứ thụt lùi vào quá khứ - và cái không thể là cứ như là một nỗi ám ảnh vô cùng mà nếu hẳn tạm quên được thì đó chính là niềm hạnh phúc. Khoái lạc từ sự hóa giải món nợ Lời Hứa trở nên một cái gì tiêu cực và phủ định: khi hẳn quay mặt ra khỏi guồng máy áp chế bởi ngoại thể tính của nền văn minh công nghiệp hiện đại. Hẳn càng ngày càng đi thụt lùi ra khỏi bờ sông đến lúc mà hẳn không còn nhìn thấy giòng sông chia cắt. Từ đó, ý chí bắc cầu sang sông dần dần cũng bị tiêu diệt. Cái ta của hẳn chỉ là một nỗi bất an trong niềm hoài vọng về một bến đò dĩ vãng - vì dù sao thì tự trong đáy sâu tâm thức hẳn vẫn dần vật về cái nhiệm vụ giải nợ Lời Hứa như thế nào. Và trong một lúc tuyệt vọng, giữa một giai thời chuyển hướng ngặt nghèo, hẳn chợt nắm được một chiếc thuyền chủ nghĩa: Lời Hứa Cộng Sản.

Chủ thuyết cộng sản là một bản số văn câu nguyện cho ý chí giải nợ Lời Hứa nguyên thủy. Trên sự chuyển động của làn sóng ý thức và tình cảm của những phạm trù chính trị mới về quốc gia và dân tộc, về giai cấp, về tự do, về công lý, về nhân phẩm và quyền hạn con người, về công dân và chính quyền, về định danh, về căn cước tính, về chủng tộc và lịch sử, thì chủ thuyết cộng sản trở

nên bản hợp đồng mang nội dung toàn triệt trong tham vọng giải nợ hết một lần tất cả các món nợ trần gian mà từ lâu nay nhân loại trốn tránh. Chủ thuyết này thay thế thánh kinh tôn giáo để đưa ra một cảm dỗ mới: ở cuối chặng đường của ước mơ và đấu tranh sẽ không còn những cái mà đang làm ta uấn ức và đau khổ - những khái niệm về cái ta cứ bị cái ngoại thể thực tại quấy rầy, làm ta không yên tâm. Đây là một cứu cánh luận tối hậu cho trần gian Đông phương - mà bấy lâu nay Phật, Lão, Không không làm gì được.

Song song với sự du nhập tràn đầy bản chất văn minh công nghệ máy móc và ngoại thân, thì chủ thuyết cộng sản cũng được con người Đông phương đem vào nhằm cân bằng năng lực nội tâm và ý thức đang bị bỏ trống. Thực ra thì chẳng ai đem cộng sản vào Á Đông (Trung Hoa, Việt Nam) cả. Nó chỉ là sự tràn ngập vào một cách tự nhiên khi thời tính Đông phương đang bị bỏ trống song song với sự bất quân bình từ thể chuyên tiếp trong giai đoạn lịch sử quan trọng. Con người cộng sản Đông phương, ở thời điểm đó, là những kẻ đang đói và khát từ trong ra ngoài với bao nhiêu điều tủi nhục. Họ trôi dạt như trong giấc mơ nắm được bóng dáng của tương lai. Nội dung của giấc mơ đó phát xuất từ một nỗi uấn ức trong giòng sông truyền thống: cái món nợ Lời Hứa mà cái ta Đông phương chỉ muốn giải hóa bằng phương thức quy giảm phủ định. Phong trào cộng sản là sự phản ứng ngược lại nhằm thoát bỏ truyền thống phủ định này.

Nhưng bi đát và nghịch ngẫu thay, cái ta Đông phương khi tìm đến với chủ thuyết cộng sản vẫn bị vướng vào năng ý quy giảm phủ định đó: Ta muốn hoàn tất cái ta khi ta không còn là cái ta đơn thể, không còn là riêng ta, nhằm biến cái ta này thành một thành tố cho tập thể cách mạng. Và đại thể phát xuất từ ta - mà nhiệm vụ đầu tiên là hãy từ bỏ cái ta này để dành tất cả cho Lời

Hứa qua giáo hội mới (đảng cộng sản) và kinh thánh mới (chủ nghĩa cộng sản). Ta phải hy sinh toàn triệt cuộc đời và cái ta này cho cách mạng. Ta phải giảm rút cái ta này thành đơn vị và thành tổ nhỏ nhất trong tập thể mới; nhưng mặt khác cái ta này chính là cái ta tập thể mà thôi. Ta sẽ giải nợ Lời Hứa bằng tư cách mới: đảng viên.

Tuy vậy, trong tình huống bi đát đó, đảng viên cộng sản mang một niềm khoái lạc mới: ta mang một căn cước khác, vĩ đại và có cứu cánh tính hơn. Cái ta nay có một tập thể lớn lao và nhất trí - như một tu sĩ đứng ở giữa tầng đoàn đông đảo hãnh diện nắm được chân lý. Cái ta tập thể của đảng viên làm cho hẩn thỏa mãn với ý lực Khát Sống: nó là vừa ta, nó vừa nhỏ hơn là ta, vừa to lớn hơn ta, vừa bao trùm tất cả. Nó vừa là vô ngã vừa là đại ngã - đảng viên bỗng tìm ra một căn nhà mới cho tâm thức lạc lõng của họ giữa một lâu đài tập thể được dựng lên từ ước mơ và hoàn cảnh. Bỗng nhiên, với tư cách là đảng viên trong phong trào cách mạng cộng sản, cái ta Đông phương cảm thấy như được hoàn tất giải hóa món nợ Lời Hứa bằng sự hy sinh chính mình cho tập thể toàn diện.

Bỗng chợt đâu: Cái ta này bị cơn giông Thời ý mới đánh thức - và cái ta này phải tỉnh dậy với Thời tính mới. Cơn mơ cách mạng đã đốt cháy hết nhiên liệu nhiệt thành của một thể hệ mang ý chí thiếu niên. Thế nhưng cái ta này vẫn còn ngái ngủ. Hẩn cố tìm lại cái khoái lạc hồn nhiên của cái ta cách mạng - nhưng giấc mơ khi đã thức giấc thì đâu còn nữa dù là kẻ ước mơ vẫn còn vương vấn. Hẩn nằm đó với một niềm khoái lạc dư thừa từ cơn mơ đại thể. Nay khi hẩn thức tỉnh, cái đại thể đã vỡ tan, chỉ còn là loạn hình, hẩn chợt thấy mình nhỏ bé và cô đơn. Và hẩn uể oải bước xuống giường.

III. HIỆN TRẠNG VIỆT NAM: TẠI SAO NÓ SẼ VẪN LÀ NHƯ VẬY

Và cái ta Việt Nam lười biếng, uể oải, không còn năng lực Khát Sống cao độ như xưa, không còn ý chí Hiếu Thẳng của thời cách mạng, chỉ muốn sinh hiện như là cái còn lại kéo dài sau giấc mơ. Nhưng món nợ Lời Hứa nay ở đâu? Dù cho đã đi qua bao cuộc đời đời hẩn vẫn còn mang tâm thức xưa cũ. Hẩn vẫn còn bị ám ảnh với Lời Hứa. Câu hỏi: Hẩn có còn một ý chí Sẻ Là nào cho thực tại trong Lời Hứa hay không?

Hiện trạng Việt Nam ngày nay là của cái chân lý, nói theo Hegel, giữa một tiệc rượu say mềm mà chẳng có ma

nào tỉnh thức. Ai ai cũng nặng nợ với Lời Hứa: hợp đồng kinh doanh, hứa hẹn quyền lực, giao kèo cá nhân, giang hồ, ước hẹn khoái lạc - mà cuối cùng chỉ có cơn say mới giải hóa hết Lời Hứa với thực tại. Và cơn say mềm để quên bớt những Lời Hứa thực tại nay đã trở nên một bản chất nhân văn của con người Việt Nam. Năng ý Khát Sống và Hiếu Thẳng không còn hướng về cái Sẻ Là - mà chỉ để trải thân dài trong cái Đang Là bất thường trước một tương lai chỉ còn là cái Chưa Là bất định.

Con Người Việt Nam

Tuy vậy, cái ta Việt Nam lại rất là thỏa mãn với cái hiện tại của đất nước. Vì sao? Việt Nam là cõi khoái lạc cao độ cho cái ta đơn thể. Sau cơn mơ cách mạng, cái ta nảy tình thức, và hẳn bỗng bị mất đi cái ta đại thể, nhưng hẳn vẫn còn cái ta đơn thể sau chiều dài quy giảm tự-ngã của cái ta trong lịch sử. Hãy nhìn vào những mẫu nhân dạng Việt Nam sau đây:

Nếu hẳn là kẻ năng động, Khát Sống và Hiếu Thắng, bản lãnh, khôn ngoan, chịu khó và dẫn thân làm ăn, hẳn sẽ có nhiều cơ hội thành công. Thương trường Việt Nam là một cảnh chợ trời trong một phiên hội lớn mà kẻ bán người mua tràn ngập cơ hội trộn chung với tràn đầy hiểm nguy. Kẻ nào dám làm, dám chịu, dám chơi cuộc chơi theo quy luật giang hồ của phiên chợ này thì hẳn sẽ có cõi tung hoành. Nếu hẳn là kẻ có quyền lực, thể lực, tài sản, tiền bạc thì hẳn sẽ hưởng thụ khoái lạc một cách tung hoành - hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Từ khoái lạc vật chất, kẻ hầu, người hạ, từ rượu chè, cờ bạc, tình dục, đến những khoái lạc ngã mạn vô hạn. Hẳn tạt tai vợ, con, chùi vợ bé, tình tứ bồ bịch, chửi người hầu, say rượu nghênh ngang, nói dõc vô bờ, sử dụng sức mạnh của đồng tiền một cách ngang nhiên và vạm vỡ. Hẳn là cái ta của ngã mạn cao độ. Hẳn thường thức cuộc đời từng giờ, từng phút, Hẳn không có một tòa án lương tâm nào nghiêm khắc như ngày xưa. Hẳn biện minh bằng thái độ trả thù đời: thế gian như thế nào thì ta như thế đó. Cái khoái lạc của kẻ giàu có ở Sài Gòn bây giờ còn hơn ông vua. Hãy tưởng tượng các thú vui ăn uống, từ cao lương đến bình dân, ở thành phố này thì hẳn không có lý do gì để cho hẳn tỉnh cơn say. Nếu hẳn là kẻ du đảng, giang hồ, anh chị thì Việt Nam là một cõi tung hoành, vì dù cho công an có chặt chẽ đi nữa, khe hở của xã hội cũng còn quá lớn để rồi hẳn vẫn như là cá giữa sông rộng. Dân chúng Việt Nam phần lớn thì dễ bị ức hiếp và đe dọa bằng bạo lực vì họ quen im miệng, bỏ qua, sợ trả thù, dễ tha thứ, tin vào nghiệp quả - ví dụ như tội hiếp dâm thường ít khi được báo cáo, và dân chúng vẫn tôn trọng quy luật giang hồ khi luật pháp chính thức chưa có đủ hiệu năng. Vì vậy, cái ta khoái lạc của nhân dạng Việt Nam chưa muốn tỉnh cơn say, chưa muốn thay đổi. Hẳn chỉ muốn cái Chưa Là chỉ là cái Đang Là này kéo dài ra bất tận.

Tuy nhiên, dù có say, hẳn vẫn có lúc tỉnh rượu. Khi tình thức, cái ta của tri thức, của lý tính, dù có phê phán tiêu cực hiện trạng Việt Nam, hẳn vẫn thường ngoạn cái tình huống này. Đây là hiện tượng của những tâm hồn

cao thượng, các quân tử, các kẻ mặc áo sạch, các kẻ tự cao nhìn ngắm cơn điên sa đọa của xã hội trước mắt. Khi thế gian và thời tính càng xuống dốc, cái ta này càng thấy mình càng lên giá như chính mình đang tự là mùi hương thơm giữa đồng rác ngút ngàn. Vì thế, cái ta là nơi trở về để cho hẳn thỏa mãn cái năng ý giải nợ cho Lời Hứa khi mà thế gian như là chiếc gương bị ô ứ và vỡ vụn. Dù hẳn có nghèo, hẳn cũng cảm thấy cái thái độ tự mãn với thái độ rằng ta nghèo vì ta trong sạch, vì ta không thềm nhúng tay vào bùn để tranh dành với thế gian. Và hẳn thường thức hoàn cảnh của mình như là một kiểu *amor fati*: thân phận thanh bần trở nên một thứ khoái lạc tự tử thân - ta méo khóc tủi với chính mình như là một ý chí giải trừ món nợ Lời Hứa vô ngã tối hậu. Hẳn chửi thế gian, chỉ trích chính quyền, lên án bạn hữu, khinh thường hàng xóm, bỏ mặc vợ con, gia đình, nguyên rủa số phận. Càng lên án thế gian thì cái ta càng được gãi ngứa và hẳn càng khoái lạc vì khi đó là lúc năng lực phủ định thế gian được thỏa mãn ít nhiều. Rồi hẳn uống rượu để "giải sầu." Hẳn làm thơ bi đát, thoát tục, bao la, chứa chấp ý chí tung hoành, ngang dọc, chất đầy âm hưởng anh hùng và bi kịch. Hẳn viết văn mang nội dung thuần "phản diện" và tiêu cực. Nhưng hẳn không thù ghét thế gian này: vì cái tệ hại của xã hội chính là biện minh cho cái ngã thuần phủ định. Mà ngược lại, hẳn yêu thế gian như thế vì cái hiện trạng bê bối này là một thời quán Đang Là tuyệt vời cho một thứ tâm hồn trong sạch. Thế gian có chết hết cũng chẳng sao, nghĩa là ta có cơ hội khoái lạc nhìn cái đại thể đang suy vong như là một phương thuốc giải nợ Lời Hứa. Ta hiện hữu như là một nhà tiên tri mà ở đó "chỉ ta ta biết, lòng ta ta hay."

Và có một nhân dạng Việt Nam khác cũng thường thức hiện trạng Việt Nam không kém: kẻ sĩ, kẻ phản kháng chế độ, giới tu sĩ, các nhà văn, thi sĩ chỉ trích xã hội, con người, những cán bộ cộng sản liêm khiết, đảng viên bất mãn, giới công an, những lý thuyết gia chính trị. Cái hiện trạng này đang cho họ một sân chơi mới, trò chơi mới, quy luật mới mà trong đó, nhiều chiếc chiếu quyền lực và tiếng tăm, danh vọng được trải ra cho nhiều kiểu chơi khác nhau mà kẻ tham dự cảm thấy mình được quan trọng hóa, có căn cước tính mới, một định danh, một vị thế, một tên tuổi, một cơ thời cho cái ta được vươn lên trên cái rối bời của thực tế. Nói chung, cái ta Việt Nam hiện nay phần lớn là thứ cá nước đục - và đất nước đang đục ngầu không phải vì do đâu mà vì nó phải

đục ngẫu khi bấy cả muốn nước đục cho mình được tung hoành.

Cái ta Đang Là của nhân dạng Việt Nam đang trải qua một cơn khủng hoảng lớn từ một quá trình quy giảm tự-nghĩa: từ ý chí hy sinh cho lý tưởng, cho tổ quốc, cho đảng, cho chiến tranh nay biến thành một thứ hy sinh ngắn hạn, bất chấp, làm liều nhằm giúp đỡ gia đình, thân nhân bằng bất cứ mọi giá. Thời chiến tranh, cách mạng, họ đã hy sinh gia đình quá nhiều rồi; nay họ phải hy sinh chính mình, hy sinh đại thể để trả lại món nợ gia đình mà họ đã quá tàn nhẫn bấy lâu nay. Cái thể đang viên là một căn cước hy sinh - mà nay cái để hy sinh chính là căn cước tính đó. Ta bất chấp danh dự, bất chấp tù tội, bất chấp đạo đức hay kỹ luật đảng. Ta hãy làm một cái gì đó để giúp gia đình, bà con đã quá đói khổ từ lâu, và ta sẵn sàng đi ngồi tù. Đảng đã đòi hỏi ta hy sinh quá nhiều, nay ta phải hy sinh thêm lần nữa - nhưng lần này không phải cho đảng mà là cho thân nhân, cho gia đình. Vì vậy, nạn tham nhũng, hối lộ, gian lận hiện nay phải là bất trị; không phải vấn đề nó sâu rộng chỉ do vì lòng tham, vì nghèo khó, vì lương bổng thấp, hay vì quy chế bất lực - mà vì tinh thần hy sinh cho cái không-là-ta, cho món nợ ngoài ta, vẫn đang còn là nỗi ám ảnh lớn lao, sâu thẳm trong tâm tư của những nhân dạng Việt Nam mang nặng tiềm thức Lời Hứa trong một giòng máu nông dân, nhà quê quá nặng.

Có một hiện tượng nghịch thời rất phổ thông, rất sâu rộng ở Việt Nam hiện nay: phong trào tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín, dị đoan càng ngày càng gia tăng. Khi năng lực chuyển động của thời tính không được điều tiết bởi lý tính, thì tất cả tương lai đều trở nên bất thường và bất định. Cái ta Việt Nam không biết bám vào đâu để có thể đi đến ngày mai, không có một điểm sáng nhằm quy chiếu cho hướng đi của khả thể thì ý chí Sẻ Là của hấn chỉ còn là một thứ ý chí tín ngưỡng. Số phận, định mệnh, cầu nguyện, thần linh, phật, chúa, cầu cơ, lên đồng, cúng tế, bói toán là những cánh tay cheo tới ngày mai. Cái vô hình nắm cái hữu hình. Cái siêu hình thì thực hơn là cái thực nghiệm và tri thức. Hấn sử dụng thần linh trên tất cả mọi lãnh vực sinh sống. Hấn "mua đứt" thần linh, cúng tế một ngôi đền nào đó như là một hình thức hối lộ siêu hình. Hấn hối lộ, đứt lốt, không những chỉ cho công quyền mà là cho cả thần để siêu hình. Và hơn nữa, ta hối lộ chính ta bằng niềm tin vào số phận. Ta gieo mình vào cõi rủi may - và thói say mê cờ bạc của nhân dạng Việt là

một lối thoát, vừa khoái lạc cảm giác, vừa là của ý chí Chiến Thắng cuộc đời bằng ngõ tắt. Hấn hứa hẹn, vay mượn lung tung mà không biết đến khả năng trả nợ ngày mai. Ta có vợ nợ đi nữa thì cũng sẽ chỉ như thể gian này đang vỡ nợ thể thôi. Hấn đang nhắm mắt đánh con bài liều mạng: vì dù sao thì tất cả các món nợ đang đòi, nguy cơ bị truy tố, bị tù tội, bị mất hết danh dự của hoàn cảnh ngày nay cũng không thể bằng nguy cơ chết chóc thân xác ngày trước khi mà ta liều mạng tung thân vào trận tuyến đầy máu xương. Cái di sản tai hại nhất của chiến tranh vừa qua, không phải là về vật chất, mà về tinh thần, mà cái tinh thần hy sinh cho một Lời Hứa là nguồn gốc của mọi vấn đề ở Việt Nam hiện nay.

Cái ta Việt Nam hiện nay, dù đang thường ngoạn cõi thực tại Đang Là, chỉ còn tin vào hai cõi khác: cõi siêu hình (vốn ta không biết gì), và cõi ngoài ta (tức là tinh thần hy sinh cái ta cho cái không là ta). Hơn thế nữa: Khi đối diện với bản thân và sức khoẻ thể xác thì cái ta Việt Nam lại chỉ muốn nhảy qua sông trong tinh thần tôn giáo, siêu hình, và tự hối lộ mà thôi. Hấn uống rượu, chơi cờ quá độ, không thể thao, thể dục, ăn ngủ thất thường, lo lắng quá mức, nhưng tất cả hấn không lo điều chỉnh - mà hấn chỉ muốn có thang thuốc thần dược nhằm hối lộ cái vị thần thân thể của ta. Hấn cứ tin vào các Lời Hứa huyền hoặc của các thứ "thuốc" đại bổ, sâm nhung, hoàn tán, đồn kim, phục thận, rượu thuốc, máu rắn, mật gấu, tim cọp, mắt cá mập... hàng vạn thứ "thần dược" nhan nhản ở mọi nơi. Trung tâm quyền lực và khoái lạc của thể nhân Việt Nam là hai hạt thận - vì nhìn đâu cũng thấy thuốc bổ thận cả. Chính hấn bị mê hoặc trong trận đồ thần dược này để rồi y khoa là một phương thức thần bí chứ không còn là một khoa học thực nghiệm khách quan. Dĩ nhiên là hấn đã là khá hơn so với năm chục năm trước vì hấn không còn đào mồ để lấy nước cốt chữa bệnh - nhưng nạn say vía, lên đồng để chữa bệnh vẫn tràn đầy. "Thần dược thay thế - và tiếp tục - lời cầu nguyện, kinh tụng, và hương khói, nước thánh. Nhưng bản chất tâm thức của nhân dạng Việt Nam vẫn là chùng đáy: Lời Hứa chỉ có thể giải nợ bằng huyền bí và siêu hình. Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao đài, đạo thờ ông bà vẫn là sự kéo dài của ý thức huyền bí về Lời Hứa, chứ không có một bước tiến bộ nào cả. Lời Hứa vẫn là nỗi ám ảnh, vẫn là lời nguyện mà cái ta Việt Nam vẫn bị chia cắt tự đáy tâm hồn và ý chí. Và hấn vẫn khăng khăng đòi nhảy qua sông bằng phép lạ.

Con Người Việt Nam

Thế thì về lãnh vực cách mạng và chính trị? Cái ta Việt Nam còn có muốn tranh đấu, hy sinh, dấn thân, hành động, tỏ thái độ nữa hay không? Thưa chắc là không.

Vì hố sâu nhị nguyên - vốn đã chia cắt giòng sông tâm thức Việt Nam, giữa cõi thực tại đối với cõi siêu nghiệm - đã làm cho cái ta này thụ động để bỏ mặc chính trị. Vấn đề là vậy: Nếu hấn chọn lựa dấn thân, đấu tranh, hy sinh thì như là hấn phải chọn lựa bên này bờ sông thực tại mà bỏ quên bên kia bờ siêu nghiệm. Tức là hấn xác định trần thế mà bỏ quên Lời Hứa siêu hình nguyên thủy. Hấn không tin vào con đường giải nợ Lời Hứa bằng cách mạng và dấn thân vì hấn vừa mới trải qua mấy chục năm như thế một cách kinh hoàng và rùng rợn. Không ai trong một đời người có thể tham gia hai cuộc cách mạng khác nhau được. Cái hư, cái hỏng của Việt Nam ngày nay, hơn nữa, không phải là từ một kẻ xấu ngoại lai, mà là từ chính ta. Hấn chấp nhận vấn đề đất nước vì tình huống như rứa là khả thể phải xảy ra cho một dân tộc với tâm chất và truyền thống như vậy. Hấn chỉ mơ vào phép lạ nào đó tự nhiên đem đến một sự đổi thay nhiệm mầu, chứ hấn không tin là ai có thể làm gì khác hơn. Do đó, thực tế chính trị Việt Nam, dù với rất nhiều khuyết điểm, vẫn tiếp tục hiện hữu như thế bởi

default. Tức là vì không có cái gì khác thì nó phải như thế mà thôi.

Nói tóm lại: Kẻ tài, kẻ sĩ, kẻ cao thượng, kẻ trí, kẻ bất mãn, kẻ quyền lực, kẻ du đảng, kẻ lưu manh, kẻ tồi tàn, xấu xa, kẻ nghệ sĩ... hầu hết đều có lý do để thường thức cái khoái lạc của cái ta trong trạng huống Việt Nam ngày nay. Cả người Việt hải ngoại cũng cần đến chế độ chính trị hiện nay để mà có cái mục tiêu nhằm lên án và quan trọng hóa, chính thống hóa những trò chơi quyền lực trẻ con ở hải ngoại. Cả thế giới, Mỹ, Tàu, Nhật, Đông Nam Á cũng không muốn Việt Nam thay đổi. Cho nên, cho dù đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay có thể có nhiều kẻ thù, nhưng họ không có đối thủ chính trị nào cả, kể trong lẫn ngoài, cả về tổ chức lẫn tinh thần. Ngay cả trong nội bộ đảng cũng thế, không có một năng lực đối nghịch nguy hiểm nào cho họ cả.

Chính trị, thực ra, chỉ là hiện thân của bản chất cái ta trong một thời tính nhân văn liên hệ. Tôi nói rằng: Bản chất cái ta Việt Nam hiện nay - vì khoái lạc đối với hiện trạng, cũng như vì bị ám ảnh bởi món nợ Lời Hứa siêu hình truyền thống - sẽ không là một nhân tố tác động khởi đi cho một sự chuyển hướng chính trị - và xã hội - sâu rộng nào cho Việt Nam cả.

Một con người Việt Nam, vì thế, chưa xuất hiện. Hấn vẫn chỉ là một sự thể chưa hoàn tất.